

BẢN SAO



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của Polaris International

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của NXB Giáo dục Việt Nam là 23.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 043.5121931
- Fax: (84) 043.5121930

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 61 người. Trong đó nhân viên quản lý là 16 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch	Trúng cử ngày 10/04/2010 Miễn nhiệm ngày 11/04/2012
• Ông Huỳnh Bá Văn	Chủ tịch	Trúng cử ngày 11/04/2012
• Ông Đinh Khắc Cao	Phó Chủ tịch	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Ông Ngô Chí Quốc	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Tiến Bộ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Bà Trần Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Đinh Khắc Cao	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2010 Miễn nhiệm ngày 31/03/2012
• Ông Nguyễn Tiến Bộ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012
• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2013



Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Sơn La đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 935.931.470 đồng.

Theo ý kiến đánh giá của Ban Tài chính-Kiểm soát, trong yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Quang Trung
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTK số 0391/KTV

Chứng chỉ KTV số 1334/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.610.145.344	56.718.693.710
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.229.714.027	6.145.498.099
1. Tiền	111		8.729.714.027	6.145.498.099
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	992.160.000	889.900.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.021.900.000	2.083.400.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.029.740.000)	(1.193.500.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.545.085.867	13.047.431.149
1. Phải thu khách hàng	131		14.110.008.782	12.262.516.476
2. Trả trước cho người bán	132		225.176.083	703.157.496
3. Các khoản phải thu khác	135	7	209.901.002	81.757.177
IV. Hàng tồn kho	140	8	20.686.248.061	29.343.021.185
1. Hàng tồn kho	141		22.441.999.414	31.380.204.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.755.751.353)	(2.037.183.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.156.937.389	7.292.843.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.687.901.307	1.904.381.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		182.986.082	216.469.958
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	286.050.000	5.171.992.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.909.734.059	4.164.541.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		418.474.059	1.243.832.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	418.474.059	1.241.304.265
- Nguyên giá	222		2.866.798.781	2.785.158.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.448.324.722)	(1.543.854.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	2.528.372
- Nguyên giá	228		22.755.350	22.755.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.755.350)	(20.226.978)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.491.260.000	2.765.500.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		3.491.260.000	2.765.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	155.209.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	155.209.082
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.519.879.403	60.883.235.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.451.537.461	6.291.596.618
I. Nợ ngắn hạn	310		7.451.537.461	6.269.935.753
1. Phải trả người bán	312		1.940.873.156	2.010.109.856
2. Người mua trả tiền trước	313		1.479.984.481	2.951.420.081
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	334.741.537	347.976.631
4. Phải trả người lao động	315		-	127.425.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	3.138.656.459	226.520.094
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		557.281.828	606.484.091
II. Nợ dài hạn	330		-	21.660.865
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	21.660.865
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.068.341.942	54.591.638.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	51.068.341.942	54.591.638.811
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	534.170.971	534.170.971
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	534.170.971	534.170.971
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	-	3.523.296.869
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		58.519.879.403	60.883.235.429

Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	284.561.323.319	273.872.420.461
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	284.561.323.319	273.872.420.461
4. Giá vốn hàng bán	11	18	256.020.098.981	249.286.121.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>28.541.224.338</u>	<u>24.586.298.807</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.815.958.922	2.981.531.194
7. Chi phí tài chính	22	20	(14.570.030)	905.484.760
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		13.584.337.304	10.483.462.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.555.875.789	9.043.832.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>8.231.540.197</u>	<u>7.135.049.558</u>
11. Thu nhập khác	31	21	47.621.271	162.500
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>47.621.271</u>	<u>162.500</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	<u>8.279.161.468</u>	<u>7.135.212.058</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.488.562.526	1.289.763.569
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	<u>6.790.598.942</u>	<u>5.845.448.489</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.338	1.143

Tổng Giám đốc

Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

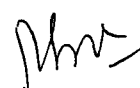
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	281.618.057.833	275.355.640.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(258.805.437.616)	(299.315.525.303)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.757.053.584)	(7.453.171.384)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.736.063.982)	(1.039.857.752)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.383.731.715	1.097.276.706
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.224.085.018)	(6.992.602.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.479.149.348	(38.348.239.701)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(81.640.000)	(387.864.327)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	47.649.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(725.760.000)	(750.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	912.466.580	1.699.560.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	105.066.580	48.210.695.970
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.500.000.000)	(7.727.153.521)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.500.000.000)	(7.727.153.521)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.084.215.928	2.135.302.748
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.145.498.099	4.010.195.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi n.tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.229.714.027	6.145.498.099

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu





Đinh Khắc Cao

Hoàng Thị Thanh Tâm

Lê Mai Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với toàn bộ các tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý cửa hàng	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - ✓ Là doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	185.855.633	448.596.217
Tiền gửi ngân hàng	8.543.858.394	5.696.901.882
Các khoản tương đương tiền	7.500.000.000	-
Cộng	16.229.714.027	6.145.498.099

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2012 Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2011 Giá trị VND
Cổ phiếu	156.500	2.021.900.000	160.600	2.083.400.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	135.900	1.800.300.000	140.000	1.861.800.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)	20.600	221.600.000	20.600	221.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		1.029.740.000		1.193.500.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)		1.012.080.000		1.105.800.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)		17.660.000		87.700.000
Cộng		992.160.000		889.900.000

(*) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá bình quân ngày 31/12/2012 tại HNX với giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi dự thu	28.125.000	31.989.247
Phải thu BHXH của CBCNV	1.108.502	-
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	157.820.000	-
Phải thu cổ tức	-	30.900.000
Phải thu khác	22.847.500	18.867.930
Cộng	209.901.002	81.757.177

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	115.562.280	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.648.199.476	8.241.367.398
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	221.116.160	177.830.055
Thành phẩm	6.192.533.088	8.774.381.937
Hàng hóa	7.264.588.410	14.186.625.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hàng hóa)	(1.755.751.353)	(2.037.183.725)
Cộng	20.686.248.061	29.343.021.185

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	655.950.756	712.339.124
Chi phí tổ chức bán thảo	1.031.950.551	1.192.042.195
Cộng	1.687.901.307	1.904.381.319

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	286.050.000	163.092.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	5.008.900.000
Cộng	286.050.000	5.171.992.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.225.669.732	322.034.504	237.454.545	2.785.158.781
Mua sắm trong năm	-	81.640.000	-	81.640.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.225.669.732	403.674.504	237.454.545	2.866.798.781
Khấu hao				
Số đầu năm	1.119.505.309	213.278.502	211.070.705	1.543.854.516
Khấu hao trong năm	741.889.927	136.196.439	26.383.840	904.470.206
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.861.395.236	349.474.941	237.454.545	2.448.324.722
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.106.164.423	108.756.002	26.383.840	1.241.304.265
Số cuối năm	364.274.496	54.199.563	-	418.474.059

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 507.208.140 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2012.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm, máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	22.755.350	22.755.350
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	22.755.350	22.755.350
Khấu hao		
Số đầu năm	20.226.978	20.226.978
Khấu hao trong năm	2.528.372	2.528.372
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	22.755.350	22.755.350
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.528.372	2.528.372
Số cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác	3.491.260.000	2.765.500.000
- Công ty CP DVXB Giáo dục HN (75.000 cp)	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Sách TBTH Sơn La (64.800 cp)	725.760.000	-
- Dự án xây dựng kho Đông Anh (*)	1.915.500.000	1.915.500.000
- Dự án xây trung tâm phát hành sách giáo khoa (**)	100.000.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	3.491.260.000	2.765.500.000

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 7.662.000.000 đồng trong đó Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc chiếm 25%.

(**) Góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Sơn La chưa niêm yết tại các Sở giao dịch. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội có kết quả kinh doanh lãi; vốn chủ sở hữu bảo toàn. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	96.325.242	343.826.698
Thuế thu nhập cá nhân	238.416.295	4.149.933
Cộng	334.741.537	347.976.631

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	120.885.991	134.241.242
Cổ tức phải trả	3.000.000.000	-
Phải trả khác	17.770.468	92.278.852
Cộng	3.138.656.459	226.520.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	434.798.347	434.798.347	1.794.821.692	52.664.418.386
Tăng trong năm	-	99.372.624	99.372.624	5.845.448.489	6.044.193.737
Giảm trong năm	-	-	-	4.116.973.312	4.116.973.312
Số dư tại 31/12/2011	<u>50.000.000.000</u>	<u>534.170.971</u>	<u>534.170.971</u>	<u>3.523.296.869</u>	<u>54.591.638.811</u>
Số dư tại 01/01/2012	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	3.523.296.869	54.591.638.811
Tăng trong năm	-	-	-	6.790.598.942	6.790.598.942
Giảm trong năm	-	-	-	10.313.895.811	10.313.895.811
Số dư tại 31/12/2012	<u>50.000.000.000</u>	<u>534.170.971</u>	<u>534.170.971</u>	<u>-</u>	<u>51.068.341.942</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.500.000.000	2.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	<u>50.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.523.296.869	1.794.821.692
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.790.598.942	5.845.448.489
Chia lợi nhuận cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	71.968.523	129.092.519
Chia lợi nhuận cho Cty CP Sách dịch và Từ điển GD	29.658.080	-
Phân phối lợi nhuận (*)	10.212.269.208	3.987.880.793
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	99.372.624
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	99.372.624
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	33.209.314	204.590.697
- Trích quỹ khen thưởng CBCNV	339.529.947	292.272.424
- Trích quỹ phúc lợi	339.529.947	292.272.424
- Chia cổ tức cho các cổ đông	9.500.000.000	3.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	3.523.296.869

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 11/04/2012 và tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế còn lại theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 335/HĐQT/2012 ngày 07/12/2012. Cụ thể như sau:

- Tạm chia cổ tức năm 2012: 12% Vốn chủ sở hữu
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% của Lợi nhuận sau thuế năm 2012
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: Lợi nhuận còn lại.

17. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	284.561.323.319	273.872.420.461
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	242.296.745.686	245.646.465.585
+ Doanh thu bán sách tham khảo	38.845.680.783	24.311.382.546
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.544.840.031	2.309.328.213
+ Doanh thu khác	874.056.819	1.605.244.117
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.561.323.319	273.872.420.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	225.662.282.263	226.397.646.194
Giá vốn bán sách tham khảo	27.334.391.458	19.522.696.944
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	2.223.441.507	1.881.824.450
Giá vốn khác	799.983.753	1.483.954.066
Cộng	256.020.098.981	249.286.121.654

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	577.702.333	1.559.052.558
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.900.000	141.260.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	657.371.262	-
Lãi phạt chậm thanh toán	249.985.327	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	751.094.545
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	530.124.091
Cộng	1.815.958.922	2.981.531.194

20. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	857.700.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	(163.760.000)	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	18.860.000	-
Chiết khấu thanh toán	130.329.970	-
Chi phí tài chính khác	-	47.784.760
Cộng	(14.570.030)	905.484.760

21. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	21.660.865	-
Thu nhập khác	25.960.406	162.500
Cộng	47.621.271	162.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.279.161.468	7.135.212.058
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(82.776.603)	234.865.481
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	349.750.000	505.218.000
Điều chỉnh giảm	432.526.603	270.352.519
- <i>Cổ tức nhận được</i>	330.900.000	141.260.000
- <i>Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi</i>	71.968.523	129.092.519
- <i>Chia LNTT cho Cty Sách dịch và Từ điển GD</i>	29.658.080	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.196.384.865	7.370.077.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	2.049.096.216	1.842.519.385
Thuế TNDN được giảm 30% theo NQ của Quốc hội	560.533.690	552.755.816
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.488.562.526	1.289.763.569
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.790.598.942	5.845.448.489

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.790.598.942	5.845.448.489
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(101.626.603)	(129.092.519)
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm (Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi và Cty CP Sách dịch Từ điển)</i>	101.626.603	129.092.519
LN phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.688.972.339	5.716.355.970
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.338	1.143

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.172.789.667	6.161.854.717
Chi phí nhân công	8.690.266.150	7.629.497.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.998.578	1.064.169.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.591.306.983	4.304.893.175
Chi phí khác bằng tiền	6.129.300.412	10.833.629.039
Cộng	29.490.661.790	29.994.043.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.940.873.156	-	1.940.873.156
Phải trả khác	3.017.770.468	-	3.017.770.468
Cộng	4.958.643.624	-	4.958.643.624
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.010.109.856	-	2.010.109.856
Phải trả khác	92.278.852	-	92.278.852
Cộng	2.102.388.708	-	2.102.388.708

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.229.714.027	-	16.229.714.027
Phải thu khách hàng	14.110.008.782	-	14.110.008.782
Đầu tư tài chính	992.160.000	3.491.260.000	4.483.420.000
Phải thu khác	209.901.002	-	209.901.002
Cộng	31.541.783.811	3.491.260.000	35.033.043.811
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.145.498.099	-	6.145.498.099
Phải thu khách hàng	12.262.516.476	-	12.262.516.476
Đầu tư tài chính	889.900.000	2.765.500.000	3.655.400.000
Phải thu khác	81.757.177	-	81.757.177
Ký quỹ ký cược	5.008.900.000	-	5.008.900.000
Cộng	24.388.571.752	2.765.500.000	27.154.071.752

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý); mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

27. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Hoà Bình	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dịch vụ Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách giáo khoa	221.861.674.828
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Mua sách giáo khoa	1.293.706.940
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chi phí tổ chức bản thảo	1.111.005.170
Bán hàng		
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách	15.323.763.584
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách	4.520.484.023
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách	7.539.365.497
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Bán sách	5.495.664.296
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Bán sách	10.046.029.232
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Bán sách	4.398.952.915
Công ty CP Sách - TBTH Hoà Bình	Bán sách	7.959.049.101
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Bán sách	3.272.227.945
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Bán sách	22.359.083.091
Công ty CP Sách - TBTH Thanh Hóa	Bán sách	17.390.308.143
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Bán sách	1.971.198.540
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách	2.893.229.940
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Bán sách	5.819.642.256
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Bán sách	8.498.813.908
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Bán sách	6.188.660.319

c. Số dư với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nợ phải trả VND	Nợ phải thu VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	81.403.250	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	501.337.514
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	751.840.000	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	-	902.345.069
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	-	464.843.165
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	-	968.247.955
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	-	1.552.912.747
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	-	874.908.440
Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	180.918.454	-
Công ty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh	22.744.800	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	216.810.573	-
Công ty CP Sách Dịch vụ và Từ điển Giáo dục	214.059.448	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.605.020.028
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	-	335.900.340
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	-	256.870.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 11/04/2012 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ 13% vốn điều lệ tương ứng 6.500.000.000 đồng. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng năm 2011 (số tiền 3.000.000.000 đồng), Công ty tiếp tục chi trả cổ tức còn lại trong năm 2012, tương ứng 3.500.000.000 đồng.

Ngày 26/09/2012, Công ty đã có thông báo 277/TB-STMB về việc chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức đợt 1/2012 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ (tương ứng 3 tỷ đồng) và đã chi trả trong tháng 10 năm 2012.

Ngày 07/12/2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 335/HĐQT/2012 về việc trả cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (tương ứng 6 tỷ đồng). Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng đợt 1/2012, Công ty sẽ chi trả cổ tức còn lại trong năm 2013.

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Đinh Khắc Cao

Hoàng Thị Thanh Tâm

Lê Mai Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013